

Bản án số: **25/2024/HNGĐ-ST**
Ngày: 22 - 8 - 2024
V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi
con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Quang và bà Vũ Thị Lan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Hiếu – Thư ký viên TAND huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2024 về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2024/QĐST-DS ngày 02 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T, sinh năm 1998.

HKTT: Thôn P, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Chỗ ở hiện nay: Thôn K, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt

- Bị đơn: Anh Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1991.

HKTT: Thôn P, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Chỗ ở hiện nay: Thôn L, xã H, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bùi Thị T trình bày yêu cầu khởi kiện như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Tuấn A được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào ngày 29/3/2019. Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến cuối năm 2023 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi nhau và một nguyên nhân nữa là do chị nghi ngờ anh Tuấn A có quan hệ tình cảm với người khác, chị biết được việc do có lần chị đọc được tin nhắn của chồng chị với người phụ nữ khác. Bản thân anh Tuấn A cũng có thừa nhận có sự việc nhắn tin với người khác và xin chị có tha thứ nhưng sau đó vẫn tiếp tục tái diễn do vậy đến khoảng tháng 3/2024 vợ chồng chị đã ly thân, chị sinh sống tại gia đình bố mẹ đẻ ở thôn K, xã T, huyện T còn anh Tuấn A sinh sống tại xã H và không có biện pháp nào cải thiện tình cảm. Đến nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Tuấn A.

+ Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Minh K, sinh ngày 16/01/2020 hiện đang ở với chị. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi quyền nuôi con chung Nguyễn Minh Khôi cho đến khi con chung tròn 18 tuổi trưởng thành vì hiện nay con chung còn nhỏ và đang ở ổn định cùng chị.

Về điều kiện nuôi con: Chị có nơi ở ổn định tại nhà bố mẹ tại thôn K, xã T, huyện T và có nghề nghiệp ổn định là công nhân tại Công ty TNHH S ở xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương với thu nhập khoảng 8.000.000đ/1 tháng. Nhà bố mẹ đẻ của chị rộng rãi, đầy đủ tiện nghi, bố mẹ chị cũng sẵn sàng giúp đỡ chị trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng con. Chị cam đoan có đủ khả năng để nuôi con cho đến khi con trưởng thành.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị tự nguyện không yêu cầu anh Nguyễn Tuấn A cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

+ Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Tuấn A trình bày quan điểm như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Bùi Thị T được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B vào ngày 29/3/2019 như chị T

trình bày là đúng. Sau khi cưới vợ chồng chuyển đến sinh sống tại thành phố H đến năm 2023 thì trở về sinh sống tại thôn P, xã T, huyện B một thời gian rồi sau đó về nhà bố mẹ đẻ anh ở thôn L, xã H sinh sống. Vợ chồng chung sống đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn tuy nhiên theo anh đây không phải mâu thuẫn lớn, thỉnh thoảng vợ chồng có to tiếng với nhau một chút rồi thôi và anh cũng thừa nhận việc có nhắn tin với người phụ nữ khác. Cuối năm 2023, đầu năm 2024 do mâu thuẫn nên vợ chồng anh ly thân, chị T về sinh sống tại gia đình chị T tại xã T, T. Sau khi ly thân, khi được nghỉ anh vẫn thỉnh thoảng về thăm với vợ, con và ông bà. Nay chị T có đơn xin ly hôn, anh xác định vẫn còn tình cảm nên không đồng ý ly hôn.

+ Về con chung: Anh cũng xác định vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Minh K, sinh ngày 16/01/2020 hiện đang ở với chị T. Do anh không đồng ý ly hôn nên anh không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về điều kiện nuôi con: Anh có nơi cư trú ổn định và có nghề nghiệp là công nhân tại Công ty M tại huyện K, tỉnh Hải Dương, thu nhập hàng tháng khoảng 9.500.000đ đến 10.000.000đ/tháng.

+ Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị Bùi Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ yêu cầu khởi kiện. Bị đơn anh Nguyễn Tuấn A vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang tham dự phiên tòa phát biểu ý kiến, quan điểm giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng, đảm bảo các nguyên tắc xét xử. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tại các Điều 70, Điều 71 BLTTDS. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật tại các Điều 70, Điều 72 BLTTDS.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức

thu, miễn, giám, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị HĐXX:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị T, xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Tuấn A.

+ Về con chung: Giao cho chị Bùi Thị T nuôi dưỡng con chung Nguyễn Minh K, sinh ngày 16/01/2020 cho đến khi các con đủ 18 tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng: Chị Bùi Thị T tự nguyện không yêu cầu anh Nguyễn Tuấn A cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị T, anh Nguyễn Tuấn A không yêu cầu nên không phải giải quyết.

+ Về án phí: Chị Bùi Thị T là phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Bùi Thị T khởi kiện xin ly hôn và tranh chấp về nuôi con với anh Nguyễn Tuấn A, anh Nguyễn Tuấn A đang cư trú thôn L, xã H, huyện B, tỉnh Hải Dương nên quan hệ pháp luật cần giải quyết là “*ly hôn và tranh chấp về nuôi con*” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Nguyên đơn chị Bùi Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh Nguyễn Tuấn A đã được Tòa án triệu tập lần thứ hai nhưng đều vắng mặt tại phiên tòa do vậy Tòa án nhân dân huyện Bình Giang tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227 BLTTDS.

[2] Về các quan hệ pháp luật cần giải quyết:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Tuấn A được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B vào ngày 29/3/2019. Khi đăng ký kết hôn, chị T và anh Nguyễn Tuấn A đều đủ điều kiện kết hôn, không vi phạm điều cấm theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân này là hợp pháp.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Theo lời khai của chị Bùi Thị T và của anh Nguyễn Tuấn A xác định chị T và anh Tuấn A chung sống hạnh phúc đến khoảng cuối năm 2023 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, xảy ra cãi vã. Chị T phát hiện anh Nguyễn Tuấn A có mối quan hệ tình cảm với người khác thông qua tin nhắn

giữa anh Tuấn A với người phụ nữ khác và anh Tuấn A cũng thừa nhận sự việc. Do mâu thuẫn nên đến khoảng đầu năm 2024, vợ chồng đã ly thân, chị T sinh sống tại gia đình bố mẹ đẻ chị T tại xã T, huyện T còn anh Tuấn A sinh sống tại thôn L, xã H. Với những mâu thuẫn như vậy, chị T đề nghị giải quyết cho chị ly hôn anh Tuấn A tuy nhiên anh Tuấn A xác định vẫn còn tình cảm và đề nghị giải quyết cho vợ chồng đoàn tụ. Để làm rõ mâu thuẫn của vợ chồng, qua xác minh tại thôn P vợ chồng từng chung sống, theo trưởng thôn Phủ cung cấp do vợ chồng chị T, anh Nguyễn Tuấn A chỉ sinh sống tại thôn P, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương một thời gian ngắn nên địa phương không nắm bắt được về mâu thuẫn của hai bên. Theo gia đình chị T, vợ chồng chị T và anh Tuấn A có mâu thuẫn do anh Tuấn A có quan hệ và nhắn tin với người phụ nữ khác và bị chị T phát hiện. Từ khoảng tháng 03/2024 cho đến nay, chị T và anh Tuấn A ly thân, chị T cùng con sinh sống tại xã T, huyện T và không đồng ý tiếp tục chung sống cùng anh Tuấn A. Theo gia đình anh Tuấn A cung cấp mặc dù không biết cụ thể mâu thuẫn của vợ chồng chị T, anh Tuấn A là gì tuy nhiên gia đình có nắm được từ tháng 03/2024 cho đến nay hai vợ chồng chị T, anh Tuấn A ly thân, gia đình có đến nói chuyện với gia đình chị T nhưng chị T không đồng ý quay lại. Từ những căn cứ nêu trên có thể khẳng định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh Nguyễn Tuấn A đã trầm trọng, vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xử cho chị T ly hôn anh Nguyễn Tuấn A là phù hợp khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh Nguyễn Tuấn A đều xác định vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Minh K, sinh ngày 16/01/2020 hiện đang ở cùng chị T. Quá trình giải quyết vụ án, chị T đề nghị tòa án giải quyết cho chị được tiếp tục nuôi con Nguyễn Minh K cho đến khi con trưởng thành vì hiện nay con chung còn nhỏ và đang ở cùng chị. Anh Nguyễn Tuấn A không đồng ý ly hôn nên không có quan điểm về quyền nuôi con chung. Xem xét về điều kiện nuôi con thì thấy, chị T và anh Nguyễn Tuấn A đều có nơi ăn ở và có thu nhập ổn định (chị T làm công nhân tại Công ty TNHH S với thu nhập khoảng 8.000.000đ/1 tháng; anh Tuấn A làm công nhân tại Công ty M thu nhập hàng tháng khoảng 9.500.000đ đến 10.000.000đ/tháng) nên đều có đủ điều kiện nuôi con tuy nhiên xem xét hiện nay con chung còn nhỏ, mới được hơn 4 tuổi và đang ở cùng chị T ổn định, gia đình chị T cũng đồng ý giúp đỡ chị T trong việc chăm sóc cháu K nên khi ly hôn giao cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Minh Khôi cho đến khi con chung tròn

18 tuổi trưởng thành là phù hợp.

[2.3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T tự nguyện không yêu cầu anh Nguyễn Tuấn A cấp dưỡng nuôi con nên cần chấp nhận sự tự nguyện này.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị T và anh Nguyễn Tuấn A đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí và về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bùi Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn anh Nguyễn Tuấn A.

2. Về con chung: Giao cho chị Bùi Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Minh Khôi, sinh ngày 16/01/2020 (hiện đang ở cùng với chị Bùi Thị T) cho đến khi con chung tròn 18 tuổi trưởng thành.

Anh Nguyễn Tuấn A có quyền, nghĩa vụ thăm nom đối với con chung mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Bùi Thị T tự nguyện không yêu cầu anh Nguyễn Tuấn A cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị T, anh Nguyễn Tuấn A không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn đối trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí chị T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0002140 ngày 07/3/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang;
- Các đương sự;
- UBND xã Thái Học, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương;
- Lưu VP và hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Duy Hải